

KẾ HOẠCH

Trợ giúp người khuyết tật tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2030

Trong những năm qua, công tác trợ giúp người khuyết tật (NKT) trên địa bàn tỉnh luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, các ngành, sự hưởng ứng ủng hộ, giúp đỡ, hỗ trợ của các tổ chức cá nhân, gia đình và cộng đồng, đã tạo điều kiện để NKT vượt qua khó khăn vươn lên trong cuộc sống, nhiều người đã trở thành những tấm gương sáng tiêu biểu trong học tập, lao động. Đời sống vật chất, tinh thần của NKT ngày càng được cải thiện; nhiều chỉ tiêu về trợ giúp NKT đã đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác trợ giúp người khuyết tật vẫn còn một số tồn tại, khó khăn, như: việc thực hiện chính sách hỗ trợ việc làm, dạy nghề, hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ cơ bản cho NKT còn nhiều hạn chế; điều kiện cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị về y tế phục vụ cho công tác chăm sóc, phục hồi chức năng cho NKT còn thiếu thốn, chưa đồng bộ; lối đi cho người khuyết tật khi tiếp cận các cơ quan, công sở, cơ sở văn hóa chỉ mới đạt hơn 30%; đội ngũ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo chuyên sâu về giáo dục hòa nhập, dạy nghề, kỹ thuật viên phục hồi chức năng cho NKT còn thiếu; phần lớn NKT có hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn...

Để các hoạt động trợ giúp NKT trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả, giúp NKT vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch trợ giúp NKT tỉnh giai đoạn 2021-2030 với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU CHUNG

Cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của NKT, hỗ trợ NKT phát huy khả năng của mình để đáp ứng nhu cầu bản thân, tạo điều kiện để NKT tham gia bình đẳng vào các hoạt động của xã hội; xây dựng môi trường không rào cản, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của NKT.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Giai đoạn 2021-2025

- Hằng năm 80% NKT tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau; 70% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật;

- 85% trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục dưới mọi hình thức;

- Có 1.000 NKT trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được học nghề và tạo việc làm phù hợp; 60% NKT trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động có nhu cầu được vay vốn ưu đãi;

rene

- 100% NKT có khó khăn về tài chính được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu;

- Ít nhất 90% công trình xây mới và 30% công trình cũ là trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước, nhà ga, bến xe, bến tàu; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao; nhà chung cư bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với NKT;

- Ít nhất 50% NKT có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận hoặc dịch vụ trợ giúp tương đương;

- 80% NKT được trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

- Trên 10% NKT được hỗ trợ tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ và luyện tập thể dục, thể thao; trên 90% thư viện công cộng trong tỉnh có không gian đọc, đảm bảo tiện ích thư viện chuyên dụng phục vụ NKT. Trên 50% các huyện, thị xã, thành phố có câu lạc bộ hoạt động thể dục, thể thao có thể tiếp cận, thu hút trên 10% NKT tham gia tập luyện thể dục, thể thao.

- 80% cán bộ làm công tác trợ giúp NKT được tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật; 50% gia đình có NKT được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho NKT; 50% NKT được tập huấn các kỹ năng sống.

2. Giai đoạn 2026-2030

- Hằng năm khoảng 90% NKT được tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau; 80% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật; 100% nạn nhân chất độc da cam/dioxin trong toàn tỉnh được tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau;

- 95% trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục.

- Có 1.500 NKT trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được học nghề và tạo việc làm phù hợp.

- Trên 95% công trình xây mới và 50% công trình cũ là trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; nhà ga, bến xe, bến tàu; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao; nhà chung cư bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với NKT; 80% nạn nhân chất độc da cam được hỗ trợ về nhà ở và các vật dụng cần thiết đảm bảo cho cuộc sống, được hỗ trợ học nghề, vay vốn theo quy định;

- Ít nhất 80% NKT có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận hoặc dịch vụ trợ giúp tương đương.

- 90% NKT được trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

- Trên 20% NKT được hỗ trợ tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ và luyện tập thể dục, thể thao; 100% thư viện công cộng trong tỉnh được không gian đọc, đảm bảo tiện ích thư viện chuyên dụng phục vụ NKT. Trên 70% các

neu

huyện, thị xã, thành phố có câu lạc bộ hoạt động thể dục, thể thao có thể tiếp cận, thu hút trên 15% NKT tham gia tập luyện thể dục, thể thao.

- 100% cán bộ làm công tác trợ giúp NKT được tập huấn, nâng cao năng lực về quản lý, chăm sóc; hỗ trợ, tổ chức điều hành, phối hợp liên ngành và giám sát, đánh giá trong công tác trợ giúp người khuyết tật; 60% gia đình có NKT được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho người khuyết tật; 60% NKT được tập huấn các kỹ năng sống; 60% cán bộ làm công tác chăm sóc, trợ giúp nạn nhân chất độc da cam được tập huấn quản lý, chăm sóc, hỗ trợ...; 50% gia đình có nạn nhân CDDC được tập huấn kỹ năng, phương pháp chăm sóc.

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về NKT; quyền và lợi ích hợp pháp của NKT và trách nhiệm của cộng đồng trong việc trợ giúp NKT; các biện pháp phòng ngừa khuyết tật, các dịch vụ đối với NKT nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật.

- Truyền thông nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành về thái độ, cách cư xử, làm việc với NKT, các phương pháp trợ giúp người khuyết tật và chia sẻ kinh nghiệm chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật thông qua các buổi tọa đàm, hội thảo, tập huấn...

2. Trợ giúp về y tế

- Thực hiện các dịch vụ phát hiện sớm những khiếm khuyết ở trẻ trước khi sinh và trẻ sơ sinh; tuyên truyền, tư vấn và cung cấp dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản; phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật, phục hồi chức năng và phẫu thuật chỉnh hình, cung cấp dụng cụ trợ giúp cho NKT; hỗ trợ khám chữa bệnh, phục hồi chức năng cho nạn nhân CDDC tại cộng đồng;

- Triển khai chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng tại cơ sở và các địa phương.

- Tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng phát hiện sớm, can thiệp sớm và phục hồi chức năng cho cán bộ y tế, y tế trường học, người chăm sóc người khuyết tật.

3. Trợ giúp về giáo dục

- Đưa nội dung giáo dục hòa nhập vào các chương trình đào tạo giáo viên đối với các trường đại học, cao đẳng có đào tạo ngành sư phạm; xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn cho giáo viên, cán bộ quản lý nhân viên hỗ trợ giáo dục NKT tham gia giáo dục người khuyết tật ở lứa tuổi mầm non và phổ thông về nghiệp vụ giáo dục NKT.

- Phát triển hệ thống dịch vụ và mô hình giáo dục NKT có hiệu quả phù hợp với nhu cầu NKT và người tham gia giáo dục NKT; phát hiện sớm, can thiệp sớm, giáo dục bán hòa nhập, giáo dục chuyên biệt, giáo dục người khuyết tật tại gia đình và cộng đồng, giáo dục từ xa.

- Rà soát, cập nhật, quản lý dữ liệu về nhu cầu giáo dục đặc biệt của NKT vào phần mềm quản lý hệ thống hỗ trợ giáo dục NKT.

nhu

4. Trợ giúp giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế

- Nhân rộng mô hình hỗ trợ sinh kế đối với NKT; xây dựng mô hình hỗ trợ NKT khởi nghiệp; mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm đối với NKT.

- Xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho NKT, ưu tiên thanh niên khuyết tật khởi nghiệp, phụ nữ khuyết tật, NKT và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động là NKT được vay vốn ưu đãi để tạo việc làm và mở rộng việc làm.

- Thực hiện các hoạt động về hỗ trợ NKT ưu tiên cho việc xây dựng cùng cố các trường hợp thuộc phân công trách nhiệm mô hình dạy nghề gắn với tạo việc làm cho NKT tiếp cận với các dịch vụ xã hội phù hợp.

- Hỗ trợ đào tạo nghề đối với Nạn nhân chất độc da cam đủ điều kiện được học nghề, chăn nuôi, sản xuất; hỗ trợ vốn, con vật nuôi và các dụng cụ sản xuất...

5. Phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai

- Xây dựng mô hình phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai bảo đảm khả năng tiếp cận đối với NKT;

- Ứng dụng công nghệ, thiết bị chuyên dụng giúp NKT nhận thông tin cảnh báo sớm để ứng phó với dịch bệnh và thiên tai.

6. Trợ giúp tiếp cận công trình xây dựng

- Tổ chức phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng bảo đảm NKT tiếp cận sử dụng các công trình công cộng và nhà chung cư, tiêu chuẩn hướng dẫn đảm bảo NKT tiếp cận các công trình xây dựng hiện hữu do Bộ Xây dựng ban hành.

- Chỉ đạo cấp giấy phép xây dựng theo phân cấp UBND cấp huyện và hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng mới, công trình cải tạo theo thẩm quyền tuân thủ theo đúng Quy chuẩn, tiêu chuẩn để người khuyết tật tiếp cận, sử dụng thuận tiện.

7. Trợ giúp tiếp cận và tham gia giao thông

- Nghiên cứu, xây dựng và ban hành bộ tiêu chí giao thông tiếp cận phổ quát đối với NKT.

- Phát hành Sổ tay thiết kế công trình giao thông tiếp cận đối với hệ thống giao thông để hướng dẫn các địa phương áp dụng trong quá trình phát triển hệ thống giao thông.

- Xây dựng các tuyến mẫu và nhân rộng các xe vận tải hành khách công cộng để NKT tham gia giao thông.

8. Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin truyền thông

- Duy trì, phát triển, nâng cấp các cổng/trang tin điện tử hỗ trợ NKT tiếp cận các dịch vụ công nghệ thông tin một cách tốt nhất.

- Phát triển các công cụ, sản xuất tài liệu phục vụ NKT tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển các hệ thống, giải pháp giáo dục, đào tạo trực tuyến dành cho NKT bao gồm giáo dục văn hóa phổ thông các cấp và đào tạo nghề.

9. Trợ giúp pháp lý

- Tăng cường thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý tại xã, phường, thị trấn nơi nhiều NKT khó khăn về tài chính có nhu cầu trợ giúp pháp lý, tại Hội người khuyết tật, các cơ sở bảo trợ xã hội, trường học và các tổ chức khác khi có yêu cầu và phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tăng cường năng lực cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý khi thực hiện việc trợ giúp pháp lý cho NKT có khó khăn về tài chính theo lĩnh vực pháp luật phù hợp.

- Truyền thông về trợ giúp pháp lý đối với NKT có khó khăn về tài chính thông qua các hoạt động thích hợp.

10. Hỗ trợ NKT trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch

- Thành lập và phát triển hệ thống câu lạc bộ thể dục, thể thao NKT, ưu tiên tổ chức tập luyện và thi đấu các môn thể thao dành cho NKT, xây dựng tiêu chuẩn, chế độ để NKT tham gia thi đấu các giải thể thao trong và ngoài nước.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ để NKT có thể nắm được thông tin về các điểm tham quan du lịch, nhà hàng, khách sạn, phương tiện và mức độ tiếp cận các điểm này với NKT. Tạo điều kiện NKT được tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, hình thành môi trường thư viện thân thiện, đa dạng hóa các dịch vụ, sản phẩm thông tin...

11. Trợ giúp phụ nữ khuyết tật

- Truyền thông, giáo dục vận động nâng cao nhận thức các cấp, ngành, cộng đồng về thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ yếu thế; tổ chức các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm kết nối phụ nữ có nhu cầu tới các dịch vụ sẵn có nhằm hỗ trợ phụ nữ yếu thế tiếp cận với chính sách an sinh xã hội;

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phụ nữ khuyết tật.

- Rà soát, đánh giá các mô hình hiện có để phát triển nâng cao chất lượng hoạt động; xây dựng thành mô hình truyền thông lồng ghép vận động hỗ trợ phụ nữ yếu thế tại cộng đồng, xây dựng mô hình phụ nữ khuyết tật tự lực.

12. Nâng cao nhận thức năng lực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật và giám sát đánh giá

- Tổ chức tuyên truyền pháp luật về NKT và những chủ trương, chính sách, chương trình trợ giúp NKT.

- Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, tập huấn trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ NKT.

- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên trợ giúp NKT.

- Kiểm tra, giám sát đánh giá thực hiện Chương trình và các chính sách, pháp luật đối với người khuyết tật.

- Tập huấn cho gia đình người khuyết tật về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng cho NKT; tập huấn các kỹ năng sống cho NKT.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác trợ giúp NKT, huy động các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia trợ giúp NKT.

nhu

2. Đề cao vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong việc trợ giúp NKT.

- Cấp tỉnh: Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch, huy động, phân bổ nguồn lực, giám sát, đánh giá trong quá trình thực hiện;

- Cấp huyện: Trên cơ sở kế hoạch của tỉnh, lập Kế hoạch trợ giúp người khuyết tật của địa phương; huy động bổ sung nguồn lực và chủ động phân bổ cho cấp xã; hướng dẫn và giám sát việc thực hiện của cấp xã, điều tra, thống kê và báo cáo người khuyết tật của địa phương;

- Cấp xã: Xác định NKT, huy động nguồn lực tại chỗ, tổ chức thực hiện các chính sách trên địa bàn, tự giám sát, đánh giá.

3. Lồng ghép các chỉ tiêu liên quan đến NKT trong lĩnh vực quản lý của ngành.

4. Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật, kinh nghiệm và nguồn lực để trợ giúp cho NKT.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện kế hoạch, bao gồm:

+ Ngân sách nhà nước được bố trí dự toán chi hàng năm của các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án liên quan khác để thực hiện các hoạt động của kế hoạch theo phân cấp của pháp luật về ngân sách nhà nước.

+ Đóng góp, hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao của Kế hoạch này lập dự toán ngân sách hàng năm để triển khai các hoạt động của Kế hoạch và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

VI. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM:

1. Sở Lao động- Thương binh và Xã hội:

- Là cơ quan chủ trì thực hiện Kế hoạch, giúp UBND tỉnh triển khai, quản lý, kiểm tra các hoạt động và định kỳ tổng hợp kết quả của các ngành, hội, đoàn thể, địa phương về UBND tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Triển khai các hoạt động dạy nghề, giới thiệu việc làm và hướng dẫn thực hiện các chính sách liên quan đến công tác bảo trợ xã hội cho người khuyết tật;

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ một số nội dung chi phí cơ bản thuộc cấp tỉnh nhằm đảm bảo cho việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch.

2. **Sở Y tế:** Thực hiện hoạt động hỗ trợ y tế và phối hợp với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội thực hiện chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng và cung cấp dụng cụ trợ giúp cho NKT.

3. **Sở Giáo dục và Đào tạo:** Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện tốt giáo dục hoà nhập; đầu tư, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và phục hồi chức năng tại các cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu giáo dục hoà nhập và chuyên biệt cho trẻ khuyết tật;

Chu

4. Sở Xây dựng: Hướng dẫn việc thực hiện hoạt động trợ giúp tiếp cận và sử dụng các công trình xây dựng, nhất là các công trình Bệnh viện, trạm xá, trường học, trường dạy nghề, thư viện, nhà văn hóa, thể thao, công viên...vv tuân thủ quy chuẩn thiết kế bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với NKT.

5. Sở Giao thông Vận tải:

- Chỉ đạo các đơn vị tham gia vận tải công cộng có công cụ hỗ trợ và chính sách ưu tiên NKT tham gia giao thông;

- Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quy chuẩn, quy định kỹ thuật và kết cấu hạ tầng giao thông phù hợp với việc tiếp cận của NKT.

6. Sở Thông tin và Truyền thông: tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

7. Sở Tư pháp: Chỉ đạo đơn vị trực thuộc thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho NKT có khó khăn về tài chính khi có nhu cầu, tổ chức thực hiện truyền thông về trợ giúp pháp lý cho NKT và các hoạt động khác có liên quan.

8. Sở Văn hóa - Thể thao:

- Chủ trì, phối hợp các ngành, địa phương tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao cho NKT;

- Tạo điều kiện và tổ chức cho NKT tham gia các giải đấu thể thao, hội thi, hội diễn đảm bảo điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật.

9. Sở Ngoại vụ: Chủ trì, phối hợp với các ngành, hội, đoàn thể, địa phương huy động các tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ NKT trên địa bàn tỉnh.

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành liên quan vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho các chương trình, dự án về trợ giúp người khuyết tật.

11. Sở Tài chính: Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh bố trí ngân sách địa phương để thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

12. Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh- Truyền hình QB:

- Tuyên truyền về Luật Người khuyết tật, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về NKT đến nhân dân, nhằm nâng cao nhận thức về các hoạt động chăm sóc NKT.

- Tuyên truyền về những tấm gương NKT biết vượt lên số phận, vươn lên trong cuộc sống; những cá nhân, đơn vị, tổ chức có các hoạt động ý nghĩa, thiết thực hỗ trợ NKT.

13. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: tổ chức thực hiện các hoạt động thúc đẩy cho thanh niên khuyết tật khởi nghiệp, phụ nữ khuyết tật, người khuyết tật và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động là NKT có nhu cầu được vay vốn với lãi suất ưu đãi theo quy định.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương; xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động hàng năm về trợ giúp NKT; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực lồng ghép kinh phí các chương trình, các đề án có liên quan trên địa bàn để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

nu

15. Đề nghị Ủy ban MTTQVN tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Người Cao tuổi tỉnh, Hội Chữ Thập đỏ tỉnh, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh, Hội Nạn nhân chất độc da cam, Hội Người mù tỉnh, Hội bệnh nhân nghèo tỉnh, Hội vì sự phát triển của người khuyết tật tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Căn cứ Kế hoạch này, yêu cầu các Sở, ban ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo nhiệm vụ được phân công, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) định kỳ trước ngày 30/11 hàng năm và đột xuất theo yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch trợ giúp người khuyết tật tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2030. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - TBXH;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KGVX.

me

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ An Phong